

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 9 năm 2023

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Diễn

2. Ông Đặng Ngọc Tân

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký

Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST- HNGĐ ngày 11/8/2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*(Chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên chị Trần Thị H có yêu cầu khởi kiện như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C có tự do tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 16/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái

Bình. Sau khi kết hôn, chị và anh C chung sống tại gia đình anh C ở thôn B, xã Đ, huyện Q. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C ham chơi, không tu chí làm ăn, nhiều lần anh C còn chửi bới, đánh đập chị. Ngoài ra, anh C còn có quan hệ với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng vào giữa năm 2015, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm hỏi han gì đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Sỹ Ch, sinh ngày 27/01/2013, hiện cháu Ch đang ở cùng với chị ở Vĩnh Phúc. Ngoài ra, anh Nguyễn Văn C có 01 con riêng (với người vợ trước đã ly hôn) là cháu Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 20/12/2001. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trần Sỹ Ch và không yêu cầu anh C phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Lý do chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì chị đã một mình nuôi con suốt 08 năm, con khỏe mạnh phát triển bình thường, hiện tại chị đang làm công nhân ở Vĩnh Phúc, mức thu nhập ổn định khoảng 8.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện để nuôi con. Chị H trình bày hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.*

- *Tại biên bản xác minh với bà Phạm Thị Nh(mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn C), địa chỉ tại thôn B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Về hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Trần Thị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng Chị H anh C chung sống tại gia đình bà ở Thôn B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống bà không thấy vợ chồng Chị H anh C có mâu thuẫn gì với nhau. Khoảng giữa năm 2015 Chị H tự ý đưa con chung về Vĩnh Phúc sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay Chị H xin ly hôn anh C, gia đình bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của vợ chồng.

Về con chung: Chị H, anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Sỹ Ch, sinh ngày 27/01/2013 như Chị H đã trình bày, hiện cháu Ch đang ở cùng Chị H. Nếu vợ chồng ly hôn, bà đề nghị giải quyết con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Bà Nh xác định vợ chồng Chị H, anh C không có tài sản chung.

Bà Nh cũng trình bày: Hiện anh C vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình song anh C đi làm ăn tự do, địa chỉ cụ thể bà không rõ, anh C vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Bà đã nhận được các văn bản tố tụng

của Tòa án và đã giao cho anh C nhưng do công việc bận mải, anh C không về tham gia tố tụng được, quan điểm của anh C là để Chị H tự giải quyết việc ly hôn; đối với con chung: Anh C nhất trí để con chung Nguyễn Trần Sỹ Ch, sinh ngày 27/01/2013 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho Chị H; về tài sản chung, nợ chung: Anh C khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

- Tại biên bản lấy lời khai của con chung là cháu Nguyễn Trần Sỹ Ch, sinh ngày 27/01/2013: Cháu Ch có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trần Thị H.

- *Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân của chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 03 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Chị H còn cho rằng anh C ham chơi, có hành vi đánh đập, chửi bới chị và có quan hệ với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C

không sửa đổi. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay Chị H xin ly hôn, anh C không tham gia tố tụng, không bày tỏ quan điểm, điều này thể hiện anh C không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần xử cho Chị H được ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Qua lời trình bày của Chị H, Bà Nh (mẹ đẻ anh C) và kết quả xác minh thể hiện vợ chồng Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Sỹ Ch, sinh ngày 27/01/2013. Ly hôn Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ch, không yêu cầu anh C phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh C thông qua gia đình cũng nhất trí để Chị H nuôi con. Xét thấy kể từ khi sống ly thân, Chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ch, cháu Ch khỏe mạnh và phát triển bình thường, Chị H có công việc và thu nhập ổn định để nuôi con, mặt khác cháu Ch có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Trần Sỹ Ch cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, Chị H tự nguyện không yêu cầu anh C phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên cần ghi nhận. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết còn anh C không có lời trình bày và yêu cầu cụ thể, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trần Sỹ Ch, sinh ngày 27/01/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị H không yêu cầu anh C phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị H. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005794 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Đ(nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Phụng**